TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2026/DS-PT
Ngày: 10 - 3- 2026
V/v Tranh chấp hợp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Châu
Ông Nguyễn Văn Dũng
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả,tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 870/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2025/DS-ST ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*
1. Bà Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1970.
2. Ông Lê Văn D, sinh năm 1970.
Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- *Bị đơn:*
1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1965.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967.
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, đơn bổ sung ngày 12/9/2025 nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc V, ông Lê Văn D trình bày*:

Ông Lê Văn D, Lê Thị Ngọc V có cho bị đơn Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị Ngọc H vay nhiều lần với tổng số tiền gốc 760.000.000 đồng, các lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/12/2022 vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 3 tháng. Đã đóng lãi được 10 tháng bằng 80.000.000 đồng. Khi vay có thế chấp Quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Ngọc H đứng tên.

Lần 2: Ngày 01/7/2023, vay số tiền 40.000.000 đồng, Ngày 03/7/2023 vay số tiền 30.000.0004, không ghi lãi suất, hai lần vay viết chung biên nhận nợ ngày 3/7/2023. Thời hạn vay 02 tháng, chưa đóng lãi.

Lần 3: Ngày 08/8/2023 vay số tiền 167.000.000 đồng, không ghi lãi suất. Thời hạn vay 07 ngày, chưa trả lãi.

Lần 4: Ngày 20/10/2023, vay 10.000.000 đồng, không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ.

Lần 5: Ngày 29/11/2023, vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay có giao Quyền sử dụng đất cho ông D, bà V giữ để đảm bảo các khoản vay trên. Không ghi lãi suất, thời hạn vay 10 ngày trả vốn.

Lần 6: Ngày 13/01/2024 vay số tiền 13.000.000 đồng, không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 16/01/2024.

Nay ông D, bà V khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả 760.000.000 đ tiền vốn và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn bàNguyễn Thị Ngọc H1 khai:*

Bà H1 thừa nhận có cùng với chồng là Huỳnh Văn T vay của bà V, ông D số tiền cụ thể sau:

Ngày 01/7/2023, vay số tiền 40.000.000 đồng,

Ngày 03/7/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 20/10/2023, vay 10.000.000 đồng

Đối với biên nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng, bà H1 và ông T có ký tên vay tiền của ông D, bà V, mục đích đáo hạn ngân hàng, nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Hậu thế C cho bà V, ông D hết hạn nên vợ chồng bà H1 có ghi biên nhận nợ đến ngày 29/11/2023, nhưng thực tế ngày viết biên nhận nợ này là trước ngày 29. Sau khi làm thủ tục cấp đổi quyền sử dụng đất xong giao bằng khoán mới nhận tiền. Đến ngày 29/11/2023, bà H1 điện thoại cho bà V như thỏa thuận để lấy tiền nhưng bà V nói có 250.000.000 đồng, không đủ 300.000.000 đồng như thỏa thuận nên bà H1 không đến nhà bà V nhận tiền, bà H1 đã vay chỗ khác. Các khoản vay khác ông T vay bà không biết. Bà H1 thừa nhận chỉ tay của ông D, bà V số tiền 80.000.000 đồng, sau đó bà có trả ông D 30.000.0000 đ, bà và ông T chỉ còn nợ lại 50.000.000 đ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Ông T thừa nhận có vay các khoản tiền theo biên nhận nợ như nguyên đơn trình bày cụ thể: có vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 6% tháng mỗi tháng đóng lãi 12.000.000đ, đóng được bao nhiêu tháng ông T không nhớ cụ thể, khi không còn khả năng đóng nữa, nên ông hỏi tiếp nhiều lần mỗi lần 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/ tháng. Khoảng tháng 6 đến tháng 7 năm 2023 bà V kêu ông T làm giấy tờ mượn 167.000.000 đồng, số tiền này ông T không nhận được đồng nào do tiền lãi khoản vay trước chưa trả cộng lại. Hai tháng sau ông nhờ ông D, bà V mượn tiếp số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 60% và mượn 10.000.000 đồng với lại suất 1.000.000 đồng vốn một ngày trả lãi 50.000đ, tới khi không có khả năng trả lãi ông lấy cắp Quyền sử dụng đất của bà H1 đứng tên thế chấp cho ông D, bà V.

Vợ chồng ông cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên ông và bà H1 có đến nhà ông D, bà V thế chấp giấy chứng nhận vay số tiền 300.000.000 đồng và viết biên nhận

nợ trước vợ chồng ông cùng ký tên, do xem lại Giấy chứng nhận hết hạn, sau khi gia hạn xong bà H1 hỏi vay tiền thì bà V nói có 250.000.000 đồng nên bà H1 mượn chỗ khác để đáo hạn ngân hàng, do bị xiết nợ nên ông T lấy thêm Quyền sử dụng đất của bà H1 đứng tên thế chấp cho ông D, bà V, để vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng thực tế ông T chỉ nhận 150.000.000 đồng, 150.000.000 đồng còn lại bà V đã cấn trừ vào tiền lãi.

Ông T chỉ thừa nhận khoản vay theo biên nhận ngày 01/11/2023 là 200.000.000 đồng và ngày 29/11/2023 số tiền 150.000.000 đồng, tổng cộng 350.000.000 đồng, còn các khoản vay khác là tiền lãi không có trả bà V kêu viết biên nhận. Nay ông T chỉ đồng ý trả số vốn 350.000.000 đ và tiền lãi theo quy định

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 100/2025/DS-ST ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc V, ông Lê Văn D.

Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V, ông D số tiền vay vốn lãi tính đến ngày 21/11/2025 tổng cộng vốn lãi các lần vay 935.211.400 đồng (trong đó vốn 760.000.000 đồng), trừ số tiền lãi đã nhận 80.000.000 đồng, còn lại 855.211.400 đồng *(T1 trăm năm mươi lăm triệu hai trăm mười một nghìn bốn trăm đồng)* buộc bà H, ông T liên đới tiếp tục trả cho bà V, ông D.

Bà V, ông D có nghĩa vụ trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà H, ông T số GCN: CI 031925 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 05/7/2017, đối với thửa 97, tờ bản đồ số 22, diện tích 3061,3 m^2, loại đất trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp C, xã H (H cũ), tỉnh Vĩnh Long và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cấp GCN: CX 289381 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 20/11/2020, đối với thửa 130, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.183,6 m^2, loại đất trồng lúa nước, đất toạ lạc tại xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Hai thửa đất trên do bà Nguyễn Thị Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận.

Trường hợp ông T, bà H không trả số tiền nêu trên cho bà V, ông D thì 02 thửa đất: Số 97, tờ bản đồ 22, diện tích 3061,3 m^2, mục đích trồng lúa nước, tọa lạc ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 130, tờ bản đồ 12, diện tích 3183,6 m^2, mục đích chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã H, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Ngọc H đứng tên quyền sử dụng đất bị kê biên bán đấu giá ưu tiên thanh toán cho bà V, ông D.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2025 ông Huỳnh Văn T kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông Lê Văn D và bà Lê Thị Ngọc V 350.000.000 đ tiền vốn và lãi theo quy định của pháp luật

Ngày 04/12/2025 bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo không đồng ý liên đới cùng ông Huỳnh Văn T trả nợ cho ông Lê Văn D và bà Lê Thị Ngọc V. Các biên nhận nợ 167.000.000 đ, 200.000.000 đ và 300.000.000 đ bà hoàn toàn không hay biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Kháng cáo của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 100/2025/DS-ST ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông T và bà H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc H còn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T cho rằng chỉ có vay hai lần số tiền gốc 350.000.000đ (ngày 01/11/2023 vay 200.000.000đ, ngày 23/11/2023 vay 150.000.000đ). Còn lại 410.000.000 là tiền lãi ông D bà V buộc ông viết biên nhận.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp biên nhận vay tiền và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Ngày 20/12/2022, 03/7/2023, 20/10/2023, 12/9/2023, 13/9/2023 và 13/01/2024. Tổng cộng số tiền vay 790.000.0000 đ. Sau khi vay bà Ngọc H trả được 30.000.000 đ cho ông D. Ông D thừa nhận có nhận 30.000.000 đ bà H trả cho khoản vay ngày 13/9/2023 nên ông D, bà V không kiện đòi khoản vay ngày 13/9/2023.

Ông Huỳnh Văn T thừa nhận các biên nhận do nguyên đơn cung cấp do ông T viết và ký tên. Ông T thừa nhận chỉ có vay ngày 20/12/2022 200.000.000 đ và ngày 29/11/2023 vay 150.000.000 đ; khoản vay 150.000.000đ ngày 12/9/2023 làm hợp đồng thế chấp đất vay 300.000.000đ do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết hạn làm lại đến ngày 29/11/2023 mới có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ông D, bà V. Ông T cho rằng chỉ có nhận 150.000.000 đ ngày 29/11/2023, ông T đưa ra USB ghi âm ông D cho vay 150.000.000 đ có ông Lê Văn C1 chứng kiến và Vi bằng do Văn phòng T2 lập, ông D bà V không thừa nhận ngày 29/11/2023 cho vay 150.000.000 đ vi bằng cũng không có nội dung ông D nói cho vay 150.000.000đ. Qua xem xét tờ giấy thế chấp quyền sử dụng đất phía mặt sau tờ giấy thế chấp ông Huỳnh Văn T ghi ngày 29/11/2023 hôm nay có nhận đủ tiền 300.000.000đ nên lời trình bày của ông T nhận 150.000.000đ là không có cơ sở để chấp nhận.

Các khoản vay còn lại ông T cho rằng tiền lãi. Tuy nhiên, qua xem xét các biên nhận ghi tiền mượn và ghi thời hạn trả không có nội dung ghi tiền lãi của khoản vay nào, hoặc lãi nhập vốn nên yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T xin trả 350.000.000đ tiền vốn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc H không đồng ý cùng với ông Huỳnh Văn T trả nợ do bà không biết các khoản vay của ông T, ông T vay tiền trả nợ cờ bạc không có đem về lo cho gia đình.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H thừa nhận bà có cùng ông T ký biên nhận nợ ngày 3/7/2023, ngày 20/10/2023. Giấy thế chấp đất ngày 12/9/2023, biên nhận nợ ngày 13/9/2023 nhưng ký với tư cách làm chứng. Bà H có trả khoản vay 30.000.000đ ngày 13/9/2023. Nay bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 85.000.0000 đ.

Khoản vay ngày 20/12/2022 số tiền 200.000.000 đ ông T khai vay về lo cho gia đình, bà H khai không biết khoản vay này. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm lần 1 (BL75) bà H khai sau khi ông T nhận tiền, bà V có điện thoại cho bà hay bà có nói có tiền rồi. Như vậy khoản tiền vay 200.000.000 đ ngày 20/12/2022 bà H biết ông T vay để sử dụng chung cho gia đình nên bà H không đồng ý trả là không có căn cứ chấp nhận.

Khoản vay ngày 29/11/2023 số tiền 300.000.0000 đ, bà H cho rằng không có vay khi làm hợp đồng thế chấp ngày 12/9/2023 vay 300.000.000đ do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết hạn, hai bên thỏa thuận khi có bằng khoán giao tiền, Trong giấy thế chấp ngày 12/9/202023, cuối trang phía bên trái ghi: " *thứ tư ngày 29/11/2023 giao giấy nhận tiền. Được Bành pháng (bằng khoán) được tiền ký tên H và ghi tên Nguyễn Thị Ngọc H*" như vậy khoản tiền vay 300.000.000 đ ngày 29/11/2023 bà H biết và có ký tên nên lời nại ra của bà H không có nhận tiền là không có cơ sở để chấp nhận.

- Đối với khoản vay ngày 8/8/2023 số tiền 167.000.000 đ và khoản vay ngày 13/01/2024 số tiền 13.000.000 đ do ông T viết, bà H khai không biết việc ông T vay hai khoản nợ này. Theo Điều 27 khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bên nguyên đơn khai các lần vay có mặt bà H thì bà H ký tên các lần vay không có mặt bà H thì có điện thoại thông báo cho bà H biết. Đến ngày 12/12/2024 ông T và bà H mới ly hôn với nhau, nợ này trong thời kỳ hôn nhân nên bà H phải cùng với ông T trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Từ những nhận định trên Kháng cáo của ông T và bà H không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[6] Về án phí: Kháng cáo của ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27,37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 100/2025/DSST ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D và bà Lê Thị Ngọc V.

- Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H liên đới trả cho ông Lê Văn D và bà Lê Thị Ngọc V số tiền vốn 760.000.000 đồng, tiền lãi 95.211.400 đồng. Tổng cộng 855.211.400 đồng *(T1 trăm năm mươi lăm triệu hai trăm mười một nghìn bốn trăm đồng).*

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị sửa tiếp tục có hiệu lực thi hành.

- Án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đ. Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đ. Ông T, bà H đã nộp 600.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011267, 0011268 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên cấn trừ, ông T, bà H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THDS khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TGĐ&NCTN, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung